

SỐ 1464

TỠ-NẠI-DA

*Hán dịch: Đới Diêu Tần,
Sa-môn Trúc Phật Niệm, người Lương châu.*

BÀI TỰA TỠ-NẠI-DA (Thích Đạo An thuật)

Tôn giả A-Nan nói kinh vâng theo Thánh chỉ, năm trăm La-hán cùng nhau giám định, phân thành mười hai bộ, đầy đủ lời dạy trong bốn mươi chín năm của Đức Thế Tôn. Nay mười hai bộ ấy được viết lại thành bốn bộ A-Hàm, A-tỳ-đàm, Tỳ-nại-da, đầy đủ ba Tạng.

Người học Phật ở Thiên Trúc luôn tôn trọng, đọc tụng, học hỏi và an trí ở nơi cao quý.

Những Sa-môn bậc cao thì thông suốt ba

Tạng.

Những Sa-môn bậc vừa và thấp thì thông một hoặc hai

Tạng mà

thôi.

Kinh được lưu hành đến đất Tần, có loại tự đến, là kinh do các

Sa-môn Thiên Trúc đem sang và tạo thành mười hai bộ, trong đó bộ Tỳ Viết La là nhiều nhất. Do ở nước này có Đạo học của Lão, Trang lưu hành, tương tự với kinh Phương Đẳng, cho nên dân chúng ở đây rất dễ thực hành theo kinh Phật.

Đạo-An tôi ân hận vì ba Tạng không thông hiểu, đó thật là điều thiếu sót.

Năm Nhâm Ngọ, Cưu-ma-la Phật-đề mang A-tỳ-đàm sao và Tứ A-hàm sao đến Trường An. Với lòng khát ngưỡng đã lâu, ngay trong mùa Hạ ấy đã phiên dịch bộ A-tỳ-đàm sao, gồm bốn quyển. Mùa Đông lại phiên dịch bộ Tứ A-hàm sao, gồm bốn quyển.

Lại nữa, Luật sư ở nước Kế-Tân-bạn của Phật-đề-tên là Da-xá tụng luật rất thông suốt. Đạo An tôi liền mời vị ấy phiên dịch. Phật-đề đọc tiếng Phạm, Phật-niệm dịch, Đàm-cảnh ghi chép. Ngày 12 tháng 1 bắt đầu, đến ngày 25 tháng 3 hoàn tất, gồm bốn quyển, tương đương với bản Giới Kinh mà Đàm-ma-thi dịch lúc trước. Hai bản rất phù hợp với nhau. Trong 260 giới, có giới nào còn nghi ngờ thì chúng tôi đều hỏi kỹ càng. Xin xét rõ những điểm khác nhau chủ yếu thì mới hiểu rõ được. Trong hai năm ở nước Tần đã đầy đủ ba Tạng.

Đức Thế Tôn chế giới ắt có nguyên nhân của nó. Nhóm sáu Tỳ-kheo sanh trong dòng quý tộc, vụn rỗng, dựa phượng, tuy thích xuất gia nhưng chưa dứt trừ tâm tánh của người quyền quý, thường làm việc sai trái nên giới này phát sanh. Một người đắc đạo, hai người sanh lên cõi trời, hai người bị sanh làm rồng, một người bị đọa địa ngục Vô gián. Ý vào sự quý phái, không biết kiêng chế nên tự đánh mất sự thân thích ấy. Giả sử họ là con nhà trung lưu, gặp Phật xuất gia thì tuy không thể ngồi một lần là thành Đạo, nhưng chắc không đến nỗi bị khốn khổ như vậy.

Khi Phật chưa chế giới, con người vi phạm những việc ô uế rất nhiều. Sau khi đã chế giới thì tình hình thay đổi tốt đẹp hơn. Việc trì luật của người Thiên Trúc không hoàn toàn thông suốt, chỉ có người nào nắm đủ mười hai pháp và định lực kiên cường thì mới được khai thị và trao truyền cho. Khi trao truyền, người ấy được dặn đi dặn lại: “Thầy phải thực hành, không được chỉ biết suông”. Lời ấy hết sức thiết thật.

Từ nay về sau, nước Tần có bộ luật này rồi, xin những người cùng chí hướng với tôi cẩn thận trong việc trao truyền. Xin chớ truyền cho những người chưa đủ năm hạ và chẳng trì Luật.

SỐ 1464

TỖ-NẠI-DA*Hán dịch: Đời Diêu Tần,**Sa-môn Trúc Phật Niệm, người Lương châu.***QUYỂN 1**

Pháp Ba-la-
di: Có ba loại giới
là:

- Giới Vô thượng giới.
- Giới Vô thượng ý.
- Giới Vô thượng trí.

Thế nào là giới Vô thượng giới? - Ở đây, Tỳ-kheo trì giới dùng giới giải thoát để tự trang nghiêm, tu tập thuần thực, lo sợ với cả những việc nhỏ, tương ứng với giới ở trong giới. Đó là giới Vô thượng giới.

Thế nào là giới Vô thượng ý? - Ở đây Tỳ-kheo trừ bỏ dâm dục, đạt đến bốn Thiền, chánh định tư duy. Đó là giới Vô thượng ý.

Thế nào là giới Vô thượng trí? - Ở đây, Tỳ-kheo biết đầy là khổ đế, biết đầy là nguyên nhân của khổ, biết đầy là nơi chấm dứt khổ, biết đầy là con đường chấm dứt khổ. Đó là giới Vô thượng trí.

Do ba loại Giới này mà có bậc Thuận chơn và chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại xuất hiện nhiều như cát sông Hằng. Đó là kho tàng là vật báu, là sự bí yếu của Phật để giáo huấn ba thừa: Thanh văn, Duyên giác và Chánh đẳng giác.

PHÁP BA LA DI 1:

Đức Phật Đức Thế Tôn ở tại vườn lâu Thạch Đài, cạnh sông Di Hâu, thuộc thành Bì-thế-la (Tần dịch là Quảng Bác). Cách thành Bì-

thế-la không xa có dòng họ Ca-lan-đà-kiêm-ba sanh sống. Có người con tên Tu-đạt-đa. Gia đình ấy giàu có vô hạn, ruộng vườn rất nhiều, nhà cửa rộng rãi, voi, ngựa, lạc đà, bò, lừa, tiền, thóc lúa, châu báu, vàng bạc, chân châu, lưu ly, ngọc bích, hổ phách, mã não, xa cừ, san hô... nhiều vô số.

Tu-đạt-đa bỏ gia đình giàu có như vậy, đến gặp Như Lai, nghe pháp, đạt được niềm an lạc và tin tưởng. Nhờ lòng tin và sự an lạc này, vị ấy đạt được Chánh định, liền cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo. Vị ấy cùng vô số Tỳ-kheo đến vườn Trúc, thuộc thành Câu-tát-la để kiết hạ.

Bấy giờ, gặp lúc đói kém, thóc lúa đất đỏ, cây lúa bị sương và mưa đá làm chết gần hết, số ít còn sống sót lại bị sâu ăn hết, vì thế, việc khất thực rất khó được.

Lúc ấy, Tu-đạt-đa, con của Ca-lan-đà, suy nghĩ: “Nay gặp lúc đói kém, thóc lúa đất đỏ, cây lúa bị mưa đá làm chết gần hết, số ít còn sống sót lại bị sâu ăn, vì thế khất thực khó được”. Suy nghĩ xong, Tu-đạt-đa bảo với các Tỳ-kheo:

- Các vị hãy nghe đây! Tôi có gia đình và bà con thân quen ở nước Bì-thế-la, giàu có vô hạn; tiền của, ruộng vườn rất nhiều, châu báu và các đồ đạc khác rất sung túc. Chúng ta hãy cùng nhau đến đó để độ cho người thân làm phước, mà các Tỳ-kheo cũng được yên ổn. Đúng thời, chúng ta nên đến nước Bì-thế-la, các Tỳ-kheo sẽ được cúng dường thức ăn uống, thuốc men và y áo.

Tu-đạt-đa an cư ở Câu-tát-la. Sau ba tháng an cư kiết hạ, các vị ấy may vá y phục. Vào ngày y phục đã được chuẩn bị xong, Tu-đạt-đa liền đắp y, mang bát, dẫn đại chúng đi dần đến Bì-thế-la và dừng chân ở vườn Thạch-đài, cạnh sông Di Hâu, thuộc nước Bì-thế-la để tìm thức ăn và chia thức ăn cho các Tỳ-kheo.

Đến giờ, Tu-đạt-đa đắp y, mang bát tới nhà người thân ở nước Bì-thế-la khất thực, khất thực xong, vị ấy vội vàng ra đi.

Lúc ấy, nàng hầu của gia đình Ca-lan-đà, trông thấy Tu-đạt-đa đi vào nhà người thân và vội vàng trở ra, liền đến gặp mẹ của Ca-lan-đà, quỳ xuống thưa:

- Hồi nãy quý tử Tu-đạt-đa, đi vào nhà người thân và vội vàng trở ra, không biết vị ấy có bệnh tật hay buồn rầu gì không. Hay là không thích phạm hạnh và đã phạm Giới, muốn bỏ đạo hoàn tục?

Nghe xong, mẹ Tu-đạt-đa rất vui mừng, không thể kiềm chế được, liền đến chỗ Tu-đạt-đa, bảo với Tu-đạt-đa:

- Thân thể ông có được khỏe không? Có ý tưởng gì khác không?

Có ý phạm phạm-hạnh không? Có ý muốn phạm giới, bỏ đạo hoàn tục không? Nếu có tâm ấy thì hãy mau trở về. Này Tu-đạt-đa! Hãy xả giới hoàn tục, mặc sức bố thí và tạo các công đức. Vì sao? - Ở trong chúng của Phật thì giữ gìn giới luật rất khó, học đạo cũng rất khó.

Nghe vậy, Tu-đạt-đa liền bảo với

mẹ:

- Tôi không có tật bệnh, cũng không có ý tưởng gì khác, không phạm phạm-hạnh, không muốn phạm giới, bỏ đạo hoàn tục.

Người mẹ lại nói:

- Tu-đạt-đa! Ông nên biết: Vợ của ông trước đây xinh đẹp không ai sánh bằng. Nếu không muốn bỏ đạo hoàn tục thì hãy để lại hạt giống nhằm nối dõi, phát triển dòng tộc của ta. Một mai nếu không có người kế tục thì tiền của, châu báu sẽ bị vua Câu-tát-la đoạt hết.

Tu-đạt-đa đáp:

- Nếu để tôi tiếp tục tu đạo thì tôi có thể làm việc ấy.

Mẹ Tu-đạt-đa bảo với vợ Tu-đạt-đa:

- Sau kỳ kinh nguyệt ba ngày, hãy mặc y phục khi mới cưới, trang điểm cho đẹp rồi đến báo ta.

Theo lời bà ấy bảo, sau kỳ kinh nguyệt ba ngày, vợ Tu-đạt-đa mặc y phục trước đây chồng mình thích, đến chỗ mẹ của Tu-đạt-đa và thưa:

- Nay chính là ngày thứ ba sau kỳ kinh nguyệt.

Sau đó, mẹ Tu-đạt-đa dẫn người vợ ấy đến và bảo với

Tu-đạt-

a:

- Nên biết người vợ này xinh đẹp không ai sánh bằng. Hãy để lại hạt giống nối dõi, đừng khiến dòng họ ta bị tuyệt tự, tiền của châu báu bị vua Câu-tát-la đoạt hết.

Nói xong, bà ta để người vợ ở lại và lập tức tránh đi.

Khi ấy, Tu-đạt-đa dẫn người vợ đến chỗ kín và làm việc bất tịnh.

Trong chốc lát họ hành dâm ba lần.

Lúc đó, Đế Thích giáng thần vào thai ấy. Sau tám chín tháng, vợ Tu-đạt-đa sanh con trai, mặt mũi khôi ngô hơn người. Vì trước đây đã nói là để kế tục dòng giống nên người mẹ liền đặt tên cậu ấy là Tục-Chủng (kế tục dòng giống)

Sau khi làm việc ấy, Tu-đạt-đa xấu hổ và cảm thấy nhục nhã đối với người khác. Tu-đạt-đa cùng các Tỳ-kheo đồng học kiết hạ an cư xong, mọi người đến thăm hỏi nhau:

- Tâm ý thầy có ổn định không? Sức khỏe có dồi dào không?

Trong khi an cư, đồ cúng dường có đầy đủ không? Có phải đi khất thực

không? Có bệnh tật và có ý tưởng gì khác không?

Tu-đạt-đa đáp:

- Các thầy nên biết, tâm ý tôi vẫn ổn định. Trong khi kiết hạ vẫn được no đủ. Cũng không phải ra ngoài khát thực. Không có bệnh tật nhưng lại có ý tưởng khác.

Các Tỳ-kheo hỏi:

- Nếu thầy có tâm ổn định an lạc, trong khi kiết hạ hoàn toàn no đủ, lại không có bệnh tật thì vì sao lại có ý tưởng khác?

Tu-đạt-đa liền đem việc mình đã vi phạm trước đây kể hết cho các Tỳ-kheo. Lập tức, các Tỳ-kheo hết sức chê trách Tu-đạt-đa:

- Đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện giảng nói về sự xấu xa của dâm dục của việc hưởng tới dâm dục, niệm dâm dục, ý dâm dục mạnh mẽ. Đức Thế Tôn đã nói rõ về sự xấu xa của dâm dục, của việc hưởng tới dâm dục, niệm dâm dục, ý dâm mạnh mẽ.

Sau khi liên tục quở trách, các Tỳ-kheo liền đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát đất, ngồi qua một phía, đem việc đã vi phạm bạch đầy đủ với Thế Tôn. Phật biết nhưng vẫn hỏi Tu-đạt-đa:

- Có thật ông đã phạm việc ấy không?

Đáp:

- Thật sự con có phạm, thưa Thế Tôn.

Đức Thế Tôn nói:

- Ta đã dùng vô số phương tiện nói với người ngu về sự xấu xa của dâm dục, của việc hưởng đến dâm dục, niệm dâm dục, ý dâm mạnh mẽ. Sự xấu xa của dâm dục là như vậy.

Phật dùng nhiều phương tiện kết giới cho Sa-môn. Ngài quán thấy mười đức của Tỳ-kheo khi họ giữ giới. Mười đức ấy là gì?

1- Giữ gìn, nuôi dưỡng đạo đức và giúp đại chúng hành đạo. 2- Làm cho người chưa tin giới được phát khởi lòng tin.

3- Thường làm cho người biết thẹn, thức tỉnh về lỗi lầm của mình.

4- Làm cho người mắc vào tà kiến được nhập vào chánh kiến. 5- Làm cho người đã chơn chánh càng chơn chánh hơn.

6- Hiện đời học đạo, diệt hết phiền não và khiến cho vị lai không còn kiết sử.

7- Phiền não ở vị lai bị diệt trừ, không còn phát sanh. 8- Tích tụ các hạnh lành.

9- Không bị mất phạm hạnh.

10- Khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài.

Sa-môn đều phải biết điều đó.

Nhân sự việc ấy, Đức Thế Tôn liền tập hợp chúng Tăng kết giới

ày:

- Tỳ-kheo nào phạm giới, không xả giới, giới sút kém, không tự hối cải, làm việc bất tịnh, phạm pháp dâm dục thì Tỳ-kheo ấy phạm Ba-la-di bồ-đề-a-tát-bà-tứ.

Phật ở tại khu vườn rừng Kỳ đà Cấp-cô-độc.

Lúc ấy, có Tỳ-kheo khác kiết hạ an cư trong một khu vườn cách thành Câu-tát-la không xa. Gần khu vườn này, có một con vượn cái sinh sống. Con vượn cái thường đến chỗ thầy Tỳ-kheo, thầy Tỳ-kheo thường cho con vượn ấy ăn, vì thế, con vượn không sợ Tỳ-kheo và cùng nhau làm việc bất tịnh.

Trong đại chúng Tỳ-kheo có người đồng học với Tỳ-kheo kia, cũng kiết hạ an cư ở nước Câu-tát-la. Sau khi mãn hạ, vào ngày y phục đã được may vá hoàn tất, họ đắp y, mang bát đến chỗ Tỳ-kheo nọ, bảo vị ấy:

- Từ ngày nhập hạ đến giờ, thầy có bệnh hoạn gì không? Có đi ra ngoài khát thực không? Có ý tưởng gì khác không?

Tỳ-kheo ấy đáp:

- Thừa các vị, trong khi nhập hạ tôi không bị bệnh hoạn, cũng không có loạn tưởng.

Khi đó, con vượn từ bên ngoài đi vào, đến thẳng chỗ Tỳ-kheo ấy ngồi ở phía trước và ngó vị ấy chăm chú. Thấy vị ấy quay mặt đi, nó lại ngó các Tỳ-kheo khác rồi quay sang ngó vị ấy, lại đưa lưng hướng về Tỳ-kheo đó. Tỳ-kheo này tỏ vẻ xấu hổ đối với các Tỳ-kheo nên không theo con vượn, cũng không liếc nhìn nó.

Thấy Tỳ-kheo ấy không nhìn mình, con vượn giận dữ, quay mình nắm kéo, cào cấu làm đau mặt thầy Tỳ-kheo bị thương, rồi bỏ đi.

Các Tỳ-kheo lớn tuổi bảo Tỳ-kheo ấy:

- Lúc nãy con vượn đến đây, trước tiên đưa mắt nhìn thầy, rồi quay lại nhìn chúng tôi, sau đấy quay lưng về phía thầy. Thấy thầy không nói, không nhìn nó liền nổi giận níu kéo, cào cấu làm đau mặt thầy bị thương rồi bỏ đi. Như thế là thế nào?

Các Tỳ-kheo gạn hỏi Tỳ-kheo ấy nhiều lần. Bị các Tỳ-kheo gạn hỏi mãi, Tỳ-kheo ấy liền tự thú. Các Tỳ-kheo nói:

- Đức Thế Tôn đã dùng vô số phương tiện nói về sự xấu xa của dâm dục, của sự hưởng tới dâm dục, niệm dâm, sự thiêu đốt của dâm, sự dơ bẩn của dâm, vì sao thầy không chịu quán sát sự dâm dục này, lại

đi làm việc ác đó?

Sau nhiều lần quở trách Tỳ-kheo ấy, các Tỳ-kheo liền đến chỗ Phật, đảnh lễ sát đất rồi ngồi qua một phía, bạch với Phật tất cả những việc mà họ vừa thấy, nghe.

Nghe xong, Phật bảo Tỳ-kheo

kia:

- Có thật vậy không?

Tỳ-kheo ấy xấu hổ, mặt mày thất sắc như dính bụi đất, quỳ gối phải sát đất, sửa y, bày vai phải, chắp tay bạch Thế Tôn:

- Đúng vậy, thưa Thế Tôn!

Đức Thế Tôn bảo Tỳ-kheo ấy:

- Chẳng phải Ta đã dùng nhiều phương tiện nói cho người ngu biết sự xấu xa của dâm dục, của sự hưởng tới dâm, niệm dâm, sự thiêu đốt của dâm. Ta đã nói tất cả lỗi lầm của dâm dục, đó sao?!

Sau khi dùng vô số phương tiện nói về sự xấu xa của dâm dục, nhân việc ấy, Phật tập hợp chúng Tăng, quán sát mười đức phát sanh khi Tỳ-kheo giữ giới hạnh, cho đến phạm hạnh tồn tại lâu dài. Kế đó, Phật kết giới cho các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo nào phạm giới, tâm dâm dục phát sanh, không xả giới, giới sút kém, không tự sám hối mà làm hạnh bất tịnh, cho đến cùng loài súc sanh thì bị vứt bỏ, không còn ở trong hàng ngũ Tỳ-kheo.

Thế nào là giới? – Tức hai trăm năm mươi giới mà Tỳ-kheo phải giữ và Giới Vô thượng giới gọi là Giới trong giới.

Thế nào là không xả giới?

- Không xả giới là xả giới khi ngu si, loạn ý, khổ não.

- Hưởng về người cầm điếu xả giới, là không xả giới.

- Xả giới với người không cùng ngôn ngữ là không xả giới.

- Nếu xả giới một mình cũng không thành xả giới.

- Đối trước tháp Phật, tháp Sa-môn xả giới, cũng không thành xả giới.

Nếu lìa bỏ, không y chỉ Phật, Hòa thượng, bạn của Hòa thượng,

A-xà-lê, bạn của A-xà-lê và nói với các Tỳ-kheo: “Tôi không sống ở trong Phật pháp, tôi đã từ bỏ không hành đạo nữa”. Các Tỳ-kheo hỏi: “Thầy không hành đạo nữa sao?” Tỳ-kheo ấy nói: “Không hành đạo nữa”, thì đó là xả giới.

Hành dâm ba chỗ của người nữ thì bị vứt bỏ. Ba chỗ ấy là:

- Tiếp xúc với đường sanh sản là sự vứt bỏ thứ nhất.

- Tiếp xúc đường đại tiện là sự vứt bỏ thứ hai.

- Tiếp xúc nơi miệng là sự vứt bỏ thứ ba.

Tiếp xúc người nam ở hai chỗ cũng bị vứt bỏ. Đó là: Tiếp xúc nơi hậu môn và miệng.

Tiếp xúc kẻ bất thành nam ở hai chỗ thì bị vứt bỏ.

Tiếp xúc với kẻ hai hình (vừa có nam căn vừa có nữ căn ở) ba chỗ thì bị vứt bỏ, như xúc chạm với người nữ.

Tiếp xúc với súc sanh cái ở hai chỗ thì bị vứt bỏ. Tiếp xúc với súc sanh đực ở một chỗ thì bị vứt bỏ. Tiếp xúc với súc sanh chưa rõ đực cái cũng vậy.

Tiếp xúc với súc sanh có hai căn ở hai chỗ, thì bị vứt bỏ. Tiếp xúc với gà, chim ở một chỗ thì bị vứt bỏ.

Tiếp xúc với phi nhơn nữ ở ba chỗ, cũng giống như tiếp xúc với người nữ.

Đó là tội Ba-la-di làm việc bất tịnh.

BA LA DI 2

Bấy giờ, Phật cùng đại chúng đệ tử gồm một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo trụ tại núi Thứu, ở La-duyệt-kỳ.

Khi ấy, các Tỳ-kheo gom góp cây và cỏ để làm tịnh thất. Lúc các Tỳ-kheo vào thành La-duyệt-kỳ khát thực thì các nam nữ lớn nhỏ ở thành ấy đi ra khỏi thành, phá hủy các tịnh thất đem cây về dùng.

Khát thực xong, các Tỳ-kheo trở về thấy các tịnh thất của mình đã bị phá hoại. Các Tỳ-kheo lại thu lượm cây và cỏ làm tịnh thất mới để ở. Khi họ vào thành La-duyệt-kỳ khát thực, các nam nữ lớn nhỏ trong thành ấy lại đến phá các tịnh thất và mang đi.

Ba lần như vậy, các Tỳ-kheo thấy vậy liền suy nghĩ: “Các nam nữ lớn nhỏ trong thành La-duyệt-kỳ thường đi ra để phá tịnh thất”.

Trong chúng ấy có một Tỳ-kheo tên Đản-nị-ca - con của người thợ gốm - suy nghĩ như vậy: “Chúng ta lấy cây và cỏ làm tịnh thất. Khi chúng ta vào thành khát thực thì các nam nữ trong thành liền ra phá hủy tịnh thất ấy. Trong thành này có người thợ xẻ cây gỗ là bà con của ta. Ta phải đến đó xin gỗ ván để làm tịnh thất”.

Đã đến giờ thích hợp, Đản-nị-ca đắp y, mang bát vào thành La-duyệt-kỳ, đến nhà người thợ xẻ gỗ, bảo với ông ta:

- Anh nên biết, vua A-xà-thế đã ban tặng gỗ cho tôi, anh hãy giao
đ

i. Thợ xẻ gỗ đáp:

- Nếu vua đã cho thì thầy hãy lấy tùy ý.

T

ỳ-
kh
eo
Đ
àn
-
nị
-
ca
tự
ý
lấ
y
he
t
go
t
tố
t -
lo
ạ
tà
i
sả
n
qu
an
tr
ọ
ng
củ
a

nhà nước - cửa xẻ và chắt ở một nơi để giữ.

Lúc ấy, quan giữ thành La-duyệt-kỳ đi tuần trong thành này, đến chỗ cất chứa gỗ, thấy loại gỗ cấm của nhà nước bị cửa thành từng đoạn và chắt ở một nơi, liền đến chỗ người thợ xẻ gỗ hỏi:

- Này anh thợ xẻ gỗ! Ai đã cửa xẻ gỗ của vua thành nhiều khúc chắt ở một chỗ?

Người thợ xẻ gỗ đáp:

- Tỳ-kheo Đản-nị-ca đến bảo tôi: “Vua cho tôi gỗ ván, anh hãy giao ngay”. Tỳ-kheo ấy lấy gỗ ván cắt thành nhiều khúc rồi chắt ở một nơi.

Người giữ thành giận vua A-xà-thế, liền đến chỗ vua A-kà-thế

âu:

- Đại vương! Loại gỗ xấu không cần dùng rất nhiều, sao không đem cho, lại lấy loại gỗ tốt cho Tỳ-kheo?

Vua nói:

- Ta đâu có cho!

Khi đó, vua A-xà-thế bảo sứ giả mời người thợ xẻ gỗ đến. Vâng lệnh, vua, sứ giả liền tới nói với người thợ xẻ gỗ:

- Vua A-xà-thế cho gọi anh.

Người thợ xẻ gỗ liền đến chỗ vua. Trên đường đi, gặp Tỳ-kheo Đản-nị-ca, thợ xẻ gỗ liền làm lễ và nói:

- Xin tôn giả hãy cùng tôi đến gặp vua.

Tỳ-kheo đáp:

- Anh hãy đi trước, tôi sẽ đến sau.

Người thợ xẻ gỗ liền đến chỗ vua. Thấy anh ta, vua liền hỏi:

- Người chẳng phải là người. Vì sao tự tiện lấy gỗ tốt của vua đem cho Tỳ-kheo?

Người thợ xẻ gỗ đáp:

- Tâu Đại vương! Tỳ-kheo Đản-nị-ca đến chỗ chứa gỗ nói: “Vua đã cho tôi gỗ, anh hãy giao đi”. Tôi liền nói với Tỳ-kheo: “Nếu thật là vua cho thì hãy cứ tùy ý lấy”.

Vua chưa hỏi thợ xẻ gỗ xong thì Tỳ-kheo Đản-nị-ca đến chỗ vua. Trông thấy Tỳ-kheo tới, vua bảo bề tôi dẫn thợ xẻ gỗ tạm lánh qua phòng sau và đưa Tỳ-kheo tới gặp vua. Nghe lệnh vua, bề tôi liền đưa thợ xẻ gỗ đi và dẫn Tỳ-kheo đến. Vua hỏi Tỳ-kheo:

- Vì sao thấy tự ý lấy gỗ tốt của vua cửa xẻ thành nhiều khúc rồi chắt ở một chỗ?

Tỳ-kheo đáp:

- Vua đã cho tôi gỗ.

Vua nói:

- Ta nhớ là không hề cho.

Tỳ-kheo đáp:

- Vua không nhớ khi mới lên ngôi, vua đã đem ba thứ là: cây, cỏ, nước cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn hay sao?

Nghe Tỳ-kheo nói lời ngụy biện này, vua

đáp:

- Đây Tỳ-kheo! Những vật mà ta ban cho là vật không có chủ, không phải là vật có chủ. Tỳ-kheo phải bị trị theo pháp vua.

Lúc này, vua A-xà-thế bưng bưng nổi giận, nhưng nhớ đến công đức của đức Thế Tôn, nên im lặng không nói trong giây lát, rồi bảo Tỳ-kheo hãy về đi và đừng tái phạm việc ấy nữa.

Bá quan cận thần của vua A-xà-thế đều lớn tiếng nói:

- Là quá! Tỳ-kheo này vừa được thoát chết!

Tỳ-kheo Đản-nị-ca trở về chỗ đại chúng, nói với các Tỳ-kheo:

- Các thầy nên biết, vừa rồi nhà vua muốn bắt tôi định giết, rồi lại thả.

Các Tỳ-kheo hỏi:

- Có việc gì vậy?

Tỳ-kheo Đản-nị-ca nói với đại chúng toàn bộ sự việc trên.

Trong chúng có các Tỳ-kheo tu hành hạnh đầu-đà, nghe việc ấy liền hổ thẹn, đến chỗ Đức Thế Tôn bạch lại việc trên.

Đức Thế Tôn bảo A-Nan:

-Hãy mau đi vào thành La-duyệt, đứng ở ngã tư đường hỏi mọi người: “Nếu Tỳ-kheo lấy trộm năm tiền trở lên, hoặc tấm vải trị giá năm tiền thì vua A-xà-thế dùng hình phạt gì đối với Tỳ-kheo trộm ấy?”.

Vâng lệnh đức Thế Tôn, Tôn giả A-Nan đánh lễ Ngài sát đất, nhiễu ba vòng rồi cùng hai Tỳ-kheo vào thành La-duyệt-kỳ, đứng ở ngã tư đường, hỏi người đi đường:

- Nếu Tỳ-kheo lấy trộm năm tiền, hoặc tấm vải trị giá năm tiền thì vua A-xà-thế dùng hình phạt gì?

Những người đi đường nói:

- Tỳ-kheo nào lấy trộm năm tiền, hoặc tấm vải trị giá năm tiền thì vua A-xà-thế nói đó chẳng phải là Sa-môn.

A-Nan liền ra khỏi thành La-duyệt-kỳ, trở về chỗ Đức Thế

Tôn,

bạch:

- Chúng con vào thành La-duyệt-kỳ, hỏi những người đi đường và họ trả lời là: Nếu Tỳ-kheo lấy trộm năm tiền hoặc tấm vải trị giá

tiền thì vua A-xà-thế bảo đó chẳng phải là Sa-môn.

Nhân việc này, Đức Thế Tôn tập hợp chúng Tăng, quan sát mười đức nên Ngài đã kiết giới cho Sa-môn để phạm hạnh được tồn tại lâu dài. Sa-môn phải biết việc này:

- Tỳ-kheo nào ở trong xóm làng, thành quách, lấy vật không cho với tâm trộm cắp; do việc lấy vật không cho này, Tỳ-kheo ấy bị vua hoặc đại thần bắt, hoặc đánh, hoặc trói, hoặc đuổi khỏi nước, hoặc nói: “Này Tỳ-kheo! Ông chẳng phải là giặc, chẳng phải là trẻ con, chẳng phải mất trí, sao lại lấy vật không cho như thế?” Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di, không được sống chung.

Tỳ-kheo Đa-xá cư trú ở Câu-tát-la. Nơi ấy gần cửa ải, có lái buôn đến bảo với Tỳ-kheo ấy:

- Tôi gởi thầy ít vật. Hãy giúp tôi đem qua cửa ải, tôi sẽ chia cho thầy một nửa.

Sau khi nhận vật ấy, Tỳ-kheo hối hận, suy nghĩ: “Không biết mình có phạm tội Ba-la-di không?”, liền đem việc ấy bạch với Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào mang đồ vật qua ải giúp lái buôn rồi nhận của lái buôn năm tiền, hoặc vật trị giá năm tiền, phạm tội Ba-la-di. Trừ ở nơi có giặc cướp, nơi đói khát và đường nguy hiểm.

* Lúc ấy, trong làng kia làm hàng rào, đào hào và xây tường vách để nuôi voi, ngựa, lạc đà, bò, lừa,... dùng dây buộc chúng với nhau. Tỳ-kheo nào lén vào giữa đàn gia súc lén tháo dây dẫn chúng ra khỏi rào giậu, phạm Ba-la-di; dẫn chúng qua hào, phạm Ba-la-di; dẫn chúng qua đường hoặc ra bên ngoài thì thành tội Ba-la-di.

Nếu gia súc ở ngoài đất trống mà lùa nó vào trong tường, hoặc vào hào, hoặc vào hàng rào thì cũng phạm Ba-la-di.

Nước của riêng từng nhà, nếu Tỳ-kheo tháo nước với tâm trộm cắp và làm chảy đi một lượng nước đáng giá năm tiền, phạm tội Ba-la-di. Nếu dùng tay, hoặc dùng chân, hoặc dùng gậy, hoặc dùng cước tháo trộm nước, phạm tội Ba-la-di.

Tỳ-kheo tắm trong nước, chưa tắm xong thì tháo cho nước chảy, cư sĩ nổi giận nói: “Tỳ-kheo này giả tắm để tháo cho nước chảy”.

Các Tỳ-kheo phân vân không biết mình có phạm tội Ba-la-di không, liền đem việc ấy bạch với Thế Tôn. Đức Thế Tôn nói:

- Nếu tháo nước với tâm trộm, khi nước chảy một lượng trị giá năm tiền, phạm tội Ba-la-di.

Ao có chủ, hoặc không chủ, trong ao có chim, người ta giăng lưới để bắt chim. Tỳ-kheo nào bắt trộm chim ở trong hoặc ngoài lưới trị giá năm tiền với tâm trộm cướp, phạm Ba-la-di. (Bên trong lưới có chủ, bên ngoài lưới nằm trong ao có chủ. Cả hai trường hợp đều có chủ).

Nếu chim hoặc có chủ, hoặc không chủ, nếu Tỳ-kheo bắt chim với tâm trộm cắp, phạm tội Ba-la-di.

Cư sĩ đem chuỗi ngọc phơi nắng trên mái nhà. Có các con chim có chủ hoặc không chủ tha các chuỗi ngọc kia mang đi và Tỳ-kheo đoạt lấy chuỗi ngọc đó. Nếu Tỳ-kheo đoạt lấy chuỗi ngọc trị giá năm tiền từ chim có chủ với tâm trộm cắp, phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo đem y mới nhuộm phơi trên nóc nhà và y bị gió cuốn rơi xuống đất. Tỳ-kheo ấy lượm y đem vào phòng rồi hối hận nghĩ: “Không biết mình có phạm tội Ba-la-di vì trộm cắp không?”. Tỳ-kheo ấy liền bạch với Thế Tôn, Đức Thế Tôn bảo:

- Nếu lấy với tâm trộm, phạm Ba-la-di. Nếu không có tâm trộm thì không phạm.

Nếu y từ tầng giữa rơi xuống đất, hoặc từ dưới đất bay lên tầng giữa, hoặc từ tầng giữa bay lên tầng trên. Nếu Tỳ-kheo lấy y với tâm trộm, phạm tội Ba-la-di.

Các loại vật khác như hạt mè, gạo, đậu, tiền, đại mạch, tiểu mạch, đậu đen, hạt cải, nếu lấy một số lượng trị giá năm tiền với tâm trộm, phạm Ba-la-di.

Trong vườn cây ăn quả, có các loại quả như: hồ-đào, nài tử, bì đào, lê,... Có Tỳ-kheo hái ăn rồi sanh phân vân không biết mình có xâm phạm của chúng Tăng không? Có lấy của không cho và phạm tội Ba-la-di không? Vị ấy liền đến bạch Thế Tôn. Đức Thế Tôn nói:

- Không phạm Ba-la-di. Nếu chẳng phải đất đã được Tăng kết giới và có Sa-di hái quả thì không phạm.

Sư tử giết nai ở bên ngoài vườn Trúc, ăn thịt uống máu rồi ngủ, để thừa thức ăn. Có Tỳ-kheo đến lấy thức ăn thừa đó. Sư tử tỉnh dậy, tìm không thấy, liền gầm rống. Phật biết được liền hỏi Tôn giả A-Nan:

- Vì sao sư tử đi quanh khu vườn gầm rống?

A-Nan đem việc ấy bạch đầy đủ với Phật. Phật nói:

- Tỳ-kheo nào lấy thức ăn thừa của sư tử có giá trị năm tiền trở lên để ăn, phạm Ba-la-di. Thức ăn dư của hổ, gấu, đười ươi, báo, các loài súc sanh hai chân như chim cất, điều hâu, ngỗng trời, chim ưng, chim điểu... Tỳ-kheo nào lấy thì cũng như vậy.

Đức Thế Tôn bảo:

- Nếu giật lấy thức ăn của chim đang giữ thì mắc Ba-la-di. Nếu chim kinh sợ bỏ chạy thoát thân, không giữ nữa thì không phạm Ba-la-di.

Có Tỳ-kheo đến nhà người là bà con thợ mổ, tự động lấy thịt không được cho, rồi sanh phân vân không biết mình có phạm Ba-la-di hay không, liền bạch với Thế Tôn. Đức Thế Tôn nói:

- Nếu lấy với ý trộm cắp, phạm Ba-la-di. Nếu do chỗ thân quen mà lấy thì không phạm Ba-la-di.

* Phật ở tại nước Xá-Vệ cùng với đại chúng Tỳ-kheo. Khi các Tỳ-kheo đi từ Câu-tát-la đến vườn Tát-la-bàn ở nước Xá-Vệ thì bị đám cướp chặn lấy hết y bát. Vua hoặc xóm làng hay tin liền đuổi bắt đám cướp lấy y bát trả lại cho Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo phân vân không biết có phạm Ba-la-di không, liền đến bạch Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nào dùng sức mạnh giành lại y của giặc cướp, phạm Ba-la-di. Nếu vua hoặc thôn xóm giành lại giùm thì không phạm Ba-la-di.

Có một Tỳ-kheo trên đường đi đến Câu-tát-la bị giặc cướp y bát. Tỳ-kheo ấy nhờ bà con giành lại y bát của đám cướp. Lấy lại xong, Tỳ-kheo ấy phân vân không biết mình có phạm Ba-la-di không, liền đến bạch Phật, Phật bảo:

- Ăn cướp đã lấy, không được dùng sức mạnh để giành lại. Nếu dùng sức hoặc bảo người khác giành lại, phạm Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo đem tiền chuộc lại thì được lấy.

* Lúc ấy, tôn giả Ưu-ba-ly bạch Thế Tôn:

- Tỳ-kheo lấy tài sản gì của chúng Tăng thì gọi là lấy vật không ho?

Đức Thế Tôn bảo:

- Tài sản đã được đem tới cửa chùa mà Tỳ-kheo lấy trộm mang đi, phạm Ba-la-di. Tỳ-kheo nào lấy của cải đang được phân chia cũng phạm Ba-la-di.

Tôn giả Ưu-ba-ly hỏi:

- Nếu Tỳ-kheo tự ý lấy đồ vật và những thứ chúng Tăng dùng hàng ngày thì có phạm Ba-la-di không?

Đức Thế Tôn đáp:

- Đồ vật của chúng Tăng khó có thể lường được. Nếu bị lấy trộm thì công đức của người cúng dường của cải ấy sẽ sút giảm. Vì vậy Tỳ-

kheo nào lấy, phạm Ba-la-di.

Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Thế Tôn:

- Tỳ-kheo nào lấy trộm cờ, lọng trên chùa và tháp Phật có phạm Ba-la-di không?

Đức Thế Tôn nói:

- Tỳ-kheo nào lấy đồ vật ở chùa, tháp Phật, phạm Ba-la-di. Tháp Thanh văn cũng vậy. Nếu lấy các vật trong chùa tháp thì làm mất phước của thí chủ đã cúng các vật ấy nên phạm Ba-la-di. Ai lấy trộm các vật ở chùa, tháp sẽ bị đọa địa ngục.

Đức Thế Tôn ở tại nước Na-kiệt, nơi vườn Kiền-đề-việt. Có Ưu-bà-tắc tin tưởng thương mến, tự ý cất một giảng đường cúng dường cho tôn giả La-Vân.

Sau khi nhận giảng đường, tôn giả La-Vân ra đi hai tháng. Nghe tin tôn giả La-Vân nhận giảng đường xong, ra đi đến hai tháng, Ưu-bà-tắc liền đem giảng đường đó cúng cho Tăng bốn phương.

Hai tháng sau, tôn giả La-Vân trở về Na-kiệt và nghe tin đàn-việt đã đem giảng đường ấy cúng cho chúng Tăng bốn phương. Tôn giả La-Vân liền đến chỗ Phật, lễ Phật sát đất, ngồi lui qua một phía rồi bạch với Phật về việc đó. Phật bảo:

- Nay La-Vân! Ông hãy đến chỗ Ưu-bà-tắc ấy nói với ông ta: “Đối với ông, tôi có làm việc gì không đúng, xấu xa, sai trái, bất tịnh, trái với việc của Sa-môn và không thể tùy thuận hay không?”.

Nghe Đức Thế Tôn dạy, tôn giả La-Vân ghi nhớ kỹ, rời khỏi chỗ ngồi, nhiều Phật rồi đi.

Trời vừa sáng, tôn giả La-Vân đã đắp y mang bát vào thành Na-kiệt khát thực. Khất thực xong, đến nhà Ưu-bà-tắc ấy. Trông thấy La-Vân đến, ông ta liền đứng dậy, sửa y phục, chấp tay, đến chỗ La-Vân bạch:

- Lành thay, thưa thầy La-Vân! Lâu quá thầy mới đến. Xin mời thầy ngồi.

La-Vân ngồi lên chỗ ông ấy mời, rồi bảo

ông ta:

- Nay Ưu-bà-tắc! Đối với ông, tôi có làm việc gì không đúng, xấu xa, sai trái, bất tịnh, trái với việc của Sa-môn và không thể tùy thuận hay không?

Ưu-bà-tắc nói:

- Đối với tôi, thầy chẳng có làm việc gì sai trái, cho đến không thể tùy thuận.

Nghe xong La-Vân đứng dậy, trở về chỗ Phật, lạy sát chân

Ngài

rồi đứng qua một phía, đem việc ấy bạch Phật. Do việc ấy, Đức Thế Tôn cho tập hợp chúng Tăng và dạy họ:

- Có mười sự cúng dường phi pháp, thọ nhận phi pháp và dùng phi pháp:

Cúng dường cho một Tỳ-kheo rồi lấy lại đem cúng cho hai Tỳ-

kheo. Đó là cúng phi pháp, nhận phi pháp và dùng phi pháp.

Cúng dường cho hai Tỳ-kheo rồi lấy lại đem cúng cho ba Tỳ-kheo, là cúng phi pháp, nhận phi pháp và dùng phi pháp.

Cúng dường cho ba Tỳ-kheo rồi lấy lại đem cúng cho nhiều Tỳ-kheo, là cúng phi pháp, nhận phi pháp và dùng phi pháp.

Cúng cho nhiều người rồi lấy lại đem cúng cho một người, là cúng phi pháp, nhận phi pháp và dùng phi pháp.

Cúng cho một người rồi lấy lại đem cho hai người. Lấy của nhiều người đem cúng cho chúng Tăng. Cúng cho Tăng rồi lấy lại đem cúng cho chúng Tăng khác. Cúng cho hai nhóm Tăng rồi lấy lại đem cúng cho Tỳ-kheo ni tăng. Lấy của Tỳ-kheo ni tăng đem cúng cho Tỳ-kheo ni tăng khác. Tăng chia thành hai nhóm, chưa hòa hợp lại lấy của một nhóm cho nhóm còn lại, hoặc giúp một nhóm, không giúp nhóm kia. Đó là cúng dường phi pháp, nhận phi pháp và dùng phi pháp.

Sự cúng dường trước là cúng dường, sự cúng dường sau chẳng phải là cúng dường.

Nếu đàn-việt tự ý cúng dường thì có thể nhận dùng. Vua là thí chủ cúng dường giường nằm, y bát cho Tỳ-kheo thì cũng được dùng. Phật giảng nói nhưng không kết giới cho Sa-môn như vậy.

Trong vườn nho có chủ, Tỳ-kheo nào trèo lên cây hái trộm quả, vừa hái, phạm Ba-dật-đề. Nếu hái lượng quả trị giá năm tiền, phạm Ba-la-di. Tất cả quả sống và hoa tươi cũng vậy.

Ở trong vườn mía có chủ, Tỳ-kheo nào chặt mía đem đi, phạm Ba-dật-đề. Nếu đủ năm tiền, phạm Ba-la-di.

Ngó sen có chủ, hoặc không có chủ, Tỳ-kheo đào đất để lấy ngó sen có chủ, phạm Ba-dật-đề. Nếu cắt ngó sen, phạm Ba-dật-đề. Cắt một lượng ngó sen có giá trị đủ năm tiền, phạm Ba-la-di.

Tất cả các loại rễ, củ khác cũng vậy.

Tại nơi ăn, Tỳ-kheo nhận đến hai phần mà phần sau có giá trị đủ năm tiền thì cũng phạm Ba-la-di. Nếu xin đến phần thứ hai của cơm được thỉnh cũng vậy.

Tỳ-kheo nào dạy vua ở hai nước giáp giới đánh nhau, phạm Ba-la-di. Nếu tự dẫn đường, phạm Ba-la-di. Khi hai nước phát binh, phạm

Ba-dật-đề. Tỳ-kheo kiếm được năm tiền do việc ấy, phạm Ba-la-di.

Ba-la-di 3:

Đức Thế Tôn cùng đại chúng Tỳ-kheo ở tại bờ sông Bạt-cừ-mạt, thuộc thôn Bạt-thự. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy quán sát sự xấu xa này. Hãy nỗ lực quán sát không nên lười biếng. Hãy không ngừng quán thân bất tịnh. Vì sao? - Vì quán sự xấu xa bất tịnh ấy sẽ được công đức và phước báo lớn.

Lúc đó, các Tỳ-kheo suy nghĩ: “Đức Thế Tôn dạy về sự xấu xa, bất tịnh của thân này cho đến ngồi quán sát sự bất tịnh ấy. Ai quán sát sự bất tịnh này sẽ được quả báo và công đức lớn. Các thầy phải cùng nỗ lực quán sát sự bất tịnh, cho đến ngồi quán sát sự bất tịnh. Quán sát việc ấy xong, chúng ta sẽ được quả báo và công đức lớn”.

Các Tỳ-kheo ấy liền nỗ lực quán sát sự bất tịnh, cho đến ngồi quán sự bất tịnh. Sau khi quán sát, họ nhàm chán thân hôi thối, là đồng phiền não và cảm thấy xấu hổ, không biết dùng thân này làm gì, khi nào mới thoát được nỗi khổ ấy?

Giống như có tráng sĩ hết sức đẹp đẽ, đeo các chuỗi châu báu anh lạc, tắm rửa, xông ướp hương thơm, đầu đội mũ báu, mang vòng hoa, thân mặc y phục cõi trời không bị dính bụi, tay chân mịn màng, tóc màu xanh biếc, râu tóc rất mượt, đứng đầu trong loài người. Có xác rắn, xác chó và xác người chết màu xanh, trương sinh, chảy mủ, thối rữa, bị chim thú rửa ăn, mỗi phần thân ở một nơi, dính máu hôi hám dơ bẩn... Nếu đem ba xác chết này đeo lên cổ người kia thì người ấy sẽ rất nhàm gớm, rất khổ não, xấu hổ và luôn mong sớm thoát khỏi tai họa đó.

Các Tỳ-kheo quán sát các việc bất tịnh cho đến ngồi quán sự bất tịnh nên nhàm chán thân hôi thối này, tự nghĩ: “Lúc nào mới được chết?”

Khi ấy, trong chúng có một Tỳ-kheo quán sát sự bất tịnh của thân, cho đến tự nhàm chán, liền rời khỏi chỗ, đi tìm Tỳ-kheo Sa-môn-Quật, vốn là một thợ săn, hỏi:

- Tỳ-kheo Hiền-nghiêm có thể giết tôi không? Tôi sẽ trả công bằng ba y.

Lúc này, Tỳ-kheo Sa-môn-quật liền dùng dao bén giết Tỳ-kheo ấy. Sau khi giết xong, ông ta cầm dao đến sông Bạt-cừ-mạt để rửa máu dính trên dao. Khi đó có một ma trời đứng trên sông khen Tỳ-kheo Sa-môn-quật:

- Lành thay! Lành thay! Đã thành tựu công đức lớn, đã độ cho Tỳ-

kheo tinh tấn chưa được độ, đã giải thoát cho người chưa giải thoát, đã giúp người chưa nhập Niết-bàn được nhập Niết-bàn.

Nghe lời nói như thế, Tỳ-kheo Sa-môn-Quật suy nghĩ: “Đúng như lời vị trời ấy nói, ta có công đức lớn là độ cho các Tỳ-kheo chưa được độ, giải thoát cho những người chưa giải thoát, giúp những người chưa nhập Niết-bàn được nhập Niết-bàn. Đã độ thoát cho Sa-môn, lại có được ba y, thật đáng vui mừng”.

Tỳ-kheo Sa-môn-Quật tin vào tà kiến này nên cầm dao trở vào trong chúng, đến từng phòng bảo:

- Tôi có thể độ cho người chưa được độ, giải thoát cho người chưa giải thoát và giúp cho người chưa nhập Niết-bàn được nhập Niết-bàn. Bây giờ, các Tỳ-kheo quán thân bất tịnh cho đến nhàm chán thân dơ bẩn, hôi hám này, vì thế các Tỳ-kheo trong phòng đều đi ra đến chỗ Tỳ-kheo Sa-môn-quật nói:

- Nếu có thể giết chúng tôi thì chúng tôi sẽ giao cho thầy ba y.

Tỳ-kheo Sa-môn-Quật liền cầm dao bén giết một, hai, ba, bốn, năm, cho đến sáu mươi Tỳ-kheo.

Vào ngày rằm, Đức Thế Tôn thuyết giới. Ngài trải tọa cụ trên tòa cao, ngồi giữa đại chúng. Khi đã ngồi yên, Ngài quán sát chúng Tỳ-kheo thì thấy số lượng Tỳ-kheo đến dự rất ít. Đức Thế Tôn biết nhưng vẫn hỏi Tôn giả A-Nan:

Vì sao hôm nay chúng Tăng đến nghe thuyết giới thưa thớt vậy? Nghe Đức Thế Tôn hỏi, Tôn giả A-Nan liền quỳ gối phải sát đất,

sửa y bày vai phải, chấp tay hướng về đức Phật, bạch Đức Thế

Tôn:

- Đức Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo quán thân bất tịnh cho đến nhàm chán thân hôi thối. Thực hành quán bất tịnh sẽ được quả báo và công đức lớn. Lúc ấy các Tỳ-kheo đều tự nói với nhau: “Các thầy nên biết, Đức Thế Tôn bảo quán thân bất tịnh sẽ được quả báo và công đức lớn. Chúng ta hãy cùng nhau quán sát sự bất tịnh để được quả báo và công đức lớn”.

Thế là các Tỳ-kheo quán thân bất tịnh và nhàm chán thân hôi thối này. Giống như người tráng sĩ hết sức cường tráng, đeo chuỗi châu báu anh lạc trên thân, tắm rửa xông ướp hương thơm, đầu đội mũ báu và vòng hoa, thân mặc y phục cõi trời không bị dính bụi, tay chân mịn màng, tóc màu xanh biếc, râu tóc mượt mà, đứng đầu trong loài người. Có xác rắn, xác chó và xác người chết bầm xanh, trương sinh, chảy mủ, thối rữa, bị chim thú cắn rả, mỗi bộ phận ở một nơi, dính máu dơ bẩn, hôi hám bất tịnh. Nếu đem ba xác chết này đeo vào cổ thì người ấy sẽ

rất nhồm gổm, rất khổ não và tự xấu hổ, nghĩ: “Lúc nào ta mới được thoát khỏi tai nạn này?”.

Các Tỳ-kheo quán thân bất tịnh cho đến ngồi quán sát sự bất tịnh nên nhàm chán thân này, tự suy nghĩ: “Khi nào ta mới chết?”.

Trong chúng có một Tỳ-kheo quán thân bất tịnh cho đến tự nhàm chán, liền rời khỏi chỗ, đến nơi Tỳ-kheo Sa-môn-Quạt, con người thợ săn, nói với vị ấy:

- “Tỳ-kheo Hiền-nghiêm có thể giết tôi không? Tôi sẽ giao cho thầy ba y”.

Tỳ-kheo Sa-môn-Quạt bèn cầm dao bén giết Tỳ-kheo đó. Giết xong, ông ta cầm dao đến sông Bạt-cừ-mạt ngồi rửa dao có dính máu. Khi đó, có ma trời đứng trên sông khen ngợi Tỳ-kheo Sa-môn-Quạt:

“Lành thay! Lành thay! Thầy đã đạt được công đức lớn, có thể độ Tỳ-kheo tinh tấn chưa được độ, giải thoát cho Tỳ-kheo chưa được giải thoát, giúp người chưa nhập Niết-bàn được nhập Niết-bàn”.

Tỳ-kheo Sa-môn-Quạt nghe lời ấy, bèn suy nghĩ: “Đúng như lời vị trời kia nói, ta đã đạt được công đức lớn: Độ cho các Tỳ-kheo chưa được độ, giải thoát cho các Tỳ-kheo chưa giải thoát, giúp cho người chưa nhập Niết-bàn được nhập Niết-bàn. Đã độ Sa-môn, lại được ba y, thật đáng vui mừng”.

Tỳ-kheo Sa-môn-Quạt bèn tin vào tà kiến đó, nên cầm dao trở về trong chúng, đến từng phòng bảo:

- “Tôi có thể độ cho người chưa được độ, giải thoát cho người chưa được giải thoát, giúp người chưa nhập Niết-bàn được nhập Niết-bàn”. Lúc ấy, các Tỳ-kheo quán thân bất tịnh cho đến tự nhàm chán thân ô uế. Các Tỳ-kheo trong các phòng liền đến chỗ Tỳ-kheo Sa-môn-Quạt nói:

- “Thầy có thể giết chúng tôi không? Chúng tôi sẽ giao cho thầy ba y”.

Tỳ-kheo Sa-môn-quạt bèn cầm dao bén giết một, hai, ba, bốn, năm, cho đến sáu mươi Tỳ-kheo.

Vì lý do đó, số lượng Tỳ-kheo đến nghe thuyết giới rất ít. Kính thưa đức Thế Tôn, xin Ngài hãy nói các phương tiện giúp các Tỳ-kheo chứng đắc trí tuệ vô lượng.

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo phải học niệm hơi thở và chuyên tâm tập tu pháp môn này, đừng lơ đãng pháp tu này ngay cả khi ăn và nghỉ ngơi. Vì sao? - Vì chuyên tâm tu pháp niệm hơi thở sau này sẽ được quả báo công đức lớn.

Tỳ-kheo nào cư trú ở xóm làng hoặc thành ấp, khi đến giờ, đắp y mang bát vào làng khất thực thì phải hộ trì thân, giữ gìn sáu căn đừng cho buông lung. Nếu mắt thấy sắc thì không được khởi tưởng đắm nhiễm. Nếu được như thế thì thành tựu nhãn căn. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, ý không khởi tưởng đắm nhiễm đối với pháp trần... Nếu ý không theo pháp trần thì ý căn được thành tựu.

Sau khi đã khất thực xong, hãy mang y bát cất trong phòng, rửa chân, vắt tọa cụ lên vai, tìm đến nơi không người, gốc cây yên tĩnh, lều cỏ trống, nơi bằng phẳng, ngoài vườn, gò má, hang núi... để cư trú ở đó, hoặc đến nơi yên tĩnh, hoặc đến canh gốc cây trái tọa cụ, ngồi kiết-già ngay thẳng, không nghiêng, không dựa, chú tâm vào chót mũi.

Khi Tỳ-kheo niệm hơi thở, thở ra cũng niệm, thở vào cũng niệm. Hơi thở ra dài thì biết dài. Hơi thở vào dài thì biết dài. Hơi thở ra ngắn thì biết ngắn. Hơi thở vào ngắn thì biết ngắn. Hơi thở ra ở các lỗ chân lông cũng đều biết. Hơi thở vào ở các lỗ chân lông cũng đều biết. Thở ra với ý an định, tỉnh giác. Hít vào với ý tỉnh giác. Thở ra với sự tỉnh giác nơi thân, miệng, ý. Hít vào với sự tỉnh giác nơi thân, miệng, ý...

Giống như người thợ cưa và đệ tử ông ta kéo đường cưa dài thì biết dài, kéo đường cưa ngắn thì biết ngắn; Tỳ-kheo học quán niệm hơi thở cũng như vậy, cho đến thở ra hít vào với ý an định, tỉnh giác. Tu hành quán niệm hơi thở như vậy sẽ được công đức và quả báo lớn.

Lúc đó, các Tỳ-kheo nhắc nhở nhau: “Đức Thế Tôn thương xót chúng ta nên nói pháp quán niệm hơi thở để chúng ta tu tập. Sau khi tu hành pháp quán niệm hơi thở, chúng ta sẽ được quả báo và công đức lớn. Chúng ta hãy lập tức cùng nhau tu tập pháp quán niệm hơi thở thật chuyên cần để được quả báo và công đức lớn”.

Khi ấy, các Tỳ-kheo chuyên cần tu tập pháp quán niệm hơi thở, đạt được trí tuệ vô lượng và chứng đạo A-la-hán.

Tôn giả A-Nan đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ sát chân Phật, quỳ gối phải sát đất, chấp tay bạch Phật:

- Đức Thế Tôn đã giảng giải pháp niệm hơi thở... cho đến chuyên tâm tu tập pháp ấy. Vâng lời Phật dạy, các Tỳ-kheo thực hành niệm hơi thở và đều đạt được trí tuệ vô lượng, chứng đắc quả A-la-hán.

Khi ấy, do nhân duyên này, Đức Thế Tôn dùng phương tiện thiện xảo tập hợp chúng Tăng hòa hợp với đầy đủ mười công đức, Đức Thế Tôn kết giới cho các Tỳ-kheo:

- Các Tỳ-kheo phải đề phòng việc này: Đối với người, hoặc loài có hình người, Tỳ-kheo nào muốn giết họ nên tự tay cầm dao, hoặc sai

người khác cầm dao, khuyên người khác chết, hoặc khen ngợi sự chết, hoặc nói: “Này anh, sống khổ sở làm gì, anh sống không bằng chết”, làm cho người nọ nghe theo ý nghĩ ấy, dùng vô số phương tiện khuyên người khác chết, hoặc khen ngợi sự chết, khiến người kia tìm đến cái chết thì Tỳ-kheo ấy phạm tội Ba-la-di.

Tại nơi vắng, Tỳ-kheo nào dùng cung, dao, nỏ, súng và cạm bẫy để giết người, phạm tội Ba-la-di.

Tỳ-kheo nào đến gặp quan, nói gièm pha và dùng thế lực của quan để giết người, phạm Ba-la-di.

Tỳ-kheo nào dùng chú thuật hoặc thuốc để khiến quỷ tử thi đi giết người, phạm Ba-la-di.

Tỳ-kheo nào giăng bẫy siết cổ người khác cho chết, phạm Ba-la-di.

Tỳ-kheo nào pha trộn thuốc gây thổ tả hoặc rót vào mũi, từ bên dưới ngấm lên, hoặc chích chảy máu, hoặc nhỏ vào mắt để giết người, phạm Ba-la-di.

Người nữ mang thai, Tỳ-kheo nào muốn giết nên tự tay hoặc bảo người khác dùng tay đè vào bụng cô ấy làm thai nhi và người nữ chết, phạm Ba-la-di. Dù chỉ mẹ hay thai nhi chết hay cả hai mẹ con chết đều phạm Ba-la-di.

Tỳ-kheo nào muốn giết người nên dạy họ gieo mình vào lửa, vào nước, hoặc nhảy từ vách núi xuống vực, phạm Ba-la-di.

Tỳ-kheo nào muốn giết người nên lén viết thư nói dối: “Người mang thư phạm tội nặng, hãy giết anh ta đi”. Nếu người ấy bị giết, phạm Ba-la-di.

Bào thai trong bụng mẹ đã có hai căn là thân căn và mạng căn, Tỳ-kheo nào muốn giết thai nhi ấy nên đọc chú làm hư thai, chết thai nhi, phạm Ba-la-di.

Đức Thế Tôn ở tại khu vườn rừng Kỳ đà Cấp-cô-độc, thuộc nước Xá-Vệ. Lúc ấy, tôn giả Bạc-khư-la mắc bệnh nặng, nằm nghỉ trong phòng ở vườn Đoán-tác (người Đoán-tác lập vườn này nên lấy đó làm tên gọi). Tôn giả Phần Ni chăm sóc và cung cấp nước uống.

Lúc ấy, Bạc-khư-la bảo Phần Ni:

- Hãy đến chỗ Phật, xưng danh tôi rồi đảnh lễ đức Thế Tôn, hỏi thăm Đức Thế Tôn có mạnh khỏe an lạc không? Có sức lực hành đạo không? Hãy đến đó mà thưa: “Gần đây Tỳ-kheo Bạc-khư-la mắc bệnh nặng, nghỉ trong phòng ở vườn Đoán-tác. Tỳ-kheo ấy từ xa kính lạy Thế Tôn, hỏi thăm Đức Thế Tôn có mạnh khỏe an lạc không? Có sức lực

để hành đạo không? Tỳ-kheo Bạc-khư-la muốn đến chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn nhưng vì không có sức khỏe”. Hãy đến chỗ Thế Tôn, hỏi thăm sức khỏe Đức Thế Tôn và thỉnh Đức Thế Tôn hạ cố đến vườn Đoán-tác vì Tỳ-kheo Bạc-khư-la.

Tỳ-kheo Phần Ni nhận lời Tỳ-kheo Bạc-khư-la, vội vàng đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ sát đất, bạch đầy đủ như trên rồi thưa:

- Cúi xin Đức Thế Tôn hãy vì Tỳ-kheo Bạc-khư-la hạ cố đến chỗ Tỳ-kheo ấy ở vườn Đoán-tác.

Đức Thế Tôn im lặng không đáp.

Thấy Đức Thế Tôn im lặng chấp nhận, Phần Ni liền rời khỏi chỗ ngồi, đánh lễ sát đất, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi ra đi.

Phần Ni đi chưa được bao xa, Đức Thế Tôn liền thọ thực. Vào buổi chiều, sau khi xuất thiền, Ngài rời khỏi chỗ, đến chỗ Tỳ-kheo Bạc-khư-la ở vườn Đoán-tác.

Trông thấy Phật tới, Tỳ-kheo Bạc-khư-la muốn đứng dậy, nhưng vì quá yếu nên không đứng được. Lúc ấy, Đức Thế Tôn bảo Tỳ-kheo Bạc-khư-la:

- Không cần phải đứng dậy, cứ nằm nghỉ đi, Ta sẽ ngồi vào chỗ

k

hác. Sau khi đã an tọa, Đức Thế Tôn hỏi Tỳ-kheo Bạc-khư-la:

- Ăn cháo có tiêu hóa không? Thân thể có bớt đau nhức không? Đau đớn tăng hay giảm?

Tỳ-kheo Bạc-khư-la bạch Phật:

- Thưa Thế Tôn! Con không thể ăn cháo, vì ăn vào không tiêu được. Sự đau đớn chỉ tăng chứ không giảm.

Giống như có người bị một lực sĩ dùng dây siết chặt đầu thì đầu người ấy rất đau đớn. Bạch Thế Tôn! Đầu con cũng đau đớn y như người ấy. Vì thế, con không thể ăn cháo, ăn không tiêu được và đau đớn ngày càng tăng thêm.

Bạch Thế Tôn! Giống như có người bị lực sĩ dùng dao nhọn đâm lên đỉnh đầu thì đỉnh đầu người ấy rất đau đớn. Đầu con đang đau đớn cũng giống như vậy. Sự đau đớn chỉ tăng chứ không có giảm. Giống như có người lực sĩ cầm dao mổ bụng trâu thì bụng nó sẽ rất đau đớn, không thể nói được. Bụng con đang đau đớn cũng giống như vậy. Giống như có hai người khỏe mạnh tóm lấy một người ốm yếu, nắm giữ tay chân của người ấy mà nướng trên hố lửa, người ấy đau đớn không thể tả. Bạch Thế Tôn! Thân con cũng đang đau đớn như vậy. Vì thế con không thể ăn cháo và sự đau đớn chỉ tăng chứ không giảm. Con chỉ muốn cầm dao

tự sát chứ không muốn sống nữa.

Đức Phật nói:

- Ta hỏi ông, ông hãy trả lời. Nay Bạc-khư-la! Sắc là thường hay vô thường?

Đáp:

- Vô thường.

Hỏi:

- Vô thường là khổ hay vui?

Đáp:

- Khổ, thưa Thế Tôn.

Hỏi:

- Đối với pháp vô thường, khổ, biến đổi mà có người đã được học đạo, chứng đạo nói rằng đó là của ta, hoặc chẳng phải của ta, thì có lý không?

Đáp:

- Không, thưa Đức Thế Tôn.

Hỏi:

- Nay Bạc-khư-la! Thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?

Đáp:

- Vô thường, thưa Đức Thế Tôn.

Hỏi:

- Nếu là vô thường thì khổ hay vui?

Đáp:

- Khổ, thưa Thế Tôn.

Hỏi:

- Nếu là pháp vô thường, khổ, biến đổi mà lại có người đã học đạo, chứng đạo lại nói đó là của ta, chẳng phải của ta, thì có tin được hay không?

Đáp: - Không, thưa Thế Tôn.

- Vì thế, nay Bạc-khư-la! Tất cả sắc quá khứ, vị lai, hiện tại, trong ngoài, lớn nhỏ, thiện ác, hoặc xa hoặc gần... Tất cả những sắc của ta và chẳng phải của ta đều là không và quán thấy các pháp đều như thế.

Nay Bạc-khư-la! Thọ, tưởng, hành, thức quá khứ, vị lai, hiện tại cho đến quán các pháp đều như thế.

Nghe Phật giảng về sự chứng đắc, Bạc-khư-la hiểu rõ sắc là không, không hề có sở hữu, liền được giải thoát. Sau khi được giải thoát, trí tuệ liền phát sanh, chấm dứt sanh tử, phạm hạnh đã lập, việc làm

đã xong, không còn tái sinh vào bào thai nữa. Thọ, tướng, hành, thức cũng lại như vậy, cho đến không còn tái sinh.

Vì thế, này Bạc-khư-la! Ông chớ có lo, chớ có sợ. Ông không còn bị trở vào đường ác nữa, không còn sanh trong đường ác nữa, không còn gặp nơi ác nữa.

Giảng xong, Đức Thế Tôn trở về Tinh xá.

Giữa đêm hôm ấy, có hai vị trời vô cùng đẹp đẽ, đến chỗ Phật, đánh lễ sát đất, rồi đứng qua một phía.

Một vị trời bạch Phật:

- Tôn giả Bạc-khư-la đã chắc chắn được giải thoát. Vị thứ hai bạch

Phật:

- Tôn giả Bạc-khư-la ở nơi giải thoát, đã được giải thoát. Nói lời ấy xong, chư thiên lễ Phật rồi đi ra.

